

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2020
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng
Bà Trần Thị Kim Mỹ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1979(có mặt);

Nơi ĐKKHTT: Số 7/3 TQT, Khu phố B, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Tạm trú tại: Số 287/A5, Đại lộ ĐK, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

**Bị đơn:* Bà Nguyễn Thảo T, sinh năm 1979(vắng mặt);

Nơi ĐKKHTT: Số 529B15, Khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Tạm trú tại: Số 287/A5, Đại lộ ĐK, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thảo T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/12/2010. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó đến thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu do mâu thuẫn về kinh tế nhưng sau đó do vợ chồng sống xa cách nhau, một thời gian dài vợ chồng không có con chung. Ông và bà T đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Hiện tại, ông xác định không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: Không có;

Về tài sản chung và nợ chung: Không có;

Bà Nguyễn Thảo T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án nên bà T không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại phường Phú Tân, thành phố BT nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải và công bố chứng cứ nhiều lần nhưng bà T vẫn không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ cho bà T nhiều lần tham dự phiên tòa nhưng bà T vẫn không đến, không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thảo T là đúng quy định pháp luật.

[3] Ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thảo T kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông P trình bày là do vợ chồng ông bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống xa cách nhau, thời gian dài vợ chồng không có con chung nên tình cảm không còn. Vợ chồng ông đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay, hiện tại ông xác định không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu được ly hôn.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa ông P và bà T thực tế đã xảy ra. Tòa án đã mời bà T đến hòa giải nhiều lần nhưng bà vẫn không đến tham dự hòa giải, điều này chứng tỏ bà T có thái độ bỏ mặc và không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông P với bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông P đối với bà T là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận.

[5] Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên Tòa án không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông P khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông P khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí:* Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Hữu P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Hữu P, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Hữu P được ly hôn bà Nguyễn Thảo T.
- *Về con chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn)đồng, ông Nguyễn Hữu P phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008897 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu P được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thảo T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND Phường T(phường AH);
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang